

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Phan Thị Nga;
 2. Ông Huỳnh Văn Dứt.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ D, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Cẩm T1, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ D, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T trình bày, ông T và bà T1 do mai mối, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/02/2013 và Nguyễn Thành

A, sinh ngày 08/7/2018. Hiện tại, cháu B đang sống với bà T1, cháu A đang sống cùng với ông T.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xảy ra cự cãi nhau, không quan tâm lẫn nhau nên không còn tình cảm với nhau và không còn sống chung từ năm 2021 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà T1; đồng ý để bà T1 được nuôi dưỡng cháu B, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của ông Nguyễn Nhựt T; Giấy khai sinh Nguyễn Xuân B và Nguyễn Thành A (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

- Bị đơn bà Đặng Thị Cẩm T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và cung cấp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện như trong quá trình chuẩn bị xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Nhựt T đối với bà Đặng Thị Cẩm T1; bà T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/02/2013, ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành A, sinh ngày 08/7/2018, các bên không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Nhựt T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Cẩm T1, bà T1 cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị Cẩm T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Nguyễn Nhựt T khai, ông T và bà T1 do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông T xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xảy ra cự cãi nhau, không quan tâm lẫn nhau nên không còn tình cảm và không còn sống chung từ năm 2021 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T1 và ông T bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau và không còn sống chung từ năm 2021 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà T1 nhưng bà T1 không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/02/2013 và Nguyễn Thành A, sinh ngày 08/7/2018. Ông T đồng ý để bà T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Xuân B; ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành A, sinh ngày 08/7/2018.

Xét thấy, cháu B đang được bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu A đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cả hai cháu đều phát triển tốt về thể chất và tinh thần, ông T cũng đồng ý để cháu B cho bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T1 cũng không có ý kiến phản đối việc ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử giao cháu B cho bà T1 tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu A cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T, bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhựt T.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Nhựt T được ly hôn với bà Đặng Thị Cẩm T1.

2. Về con chung:

Bà Đặng Thị Cẩm T1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/02/2013; ông Nguyễn Nhựt T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành A, sinh ngày 08/7/2018. Ông T và bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

Bà Đặng Thị Cẩm T1, ông Nguyễn Nhựt T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Nhựt T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024062 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 02 năm 2025; ông Nguyễn Nhựt T đã nộp đủ án phí.

Bà Đặng Thị Cẩm T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Nhựt T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Đặng Thị Cẩm T1 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Kiến An;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm